TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2026
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Văng Thị Ngọc Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Ngọc Bích**

Bà **Lý Thị Kim Hân**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Võ An Trinh**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 301/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1090/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm: 1993 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông **Lê Trường V**, sinh năm: 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, khu V, phường A, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Lê Trường V qua tìm hiểu, tự nguyên tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ vào ngày 20/05/2016. Trong quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do ông bà bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông bà đã không còn chung sống cùng nhau từ năm 2024 đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Trường V.

Về con chung, trong thời gian chung sống ông bà có hai con chung là cháu Lê Phú Q (N), sinh ngày 12/12/2016 và cháu Lê Thị N (Nữ), sinh ngày 24/4/2020.

Hiện nay hai con đang chung sống cùng với bà nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và bà không yêu cầu ông Lê Trường V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Trường V đã được tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có ý kiến phản hồi và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Trường V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng quy định về việc đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 53, ngày 20/5/2016. Nay bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu ly hôn với ông Lê Trường V. Đây là quan hệ pháp luật về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn ông Lê Trường V cư trú tại số A, khu V, phường A, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Đ, nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Trường V phát sinh từ việc bất đồng quan điểm, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc. Theo bà Đ trình bày, bà và ông V đã không còn sinh sống cùng nhau và không tìm được phương án hàn gắn tình cảm để đoàn tụ gia đình. Về phía ông V, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông V đều vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của bà Đ. Điều này chứng tỏ ông V không có thiện chí đoàn tụ gia đình với bà Đ.

Từ những căn cứ nêu trên cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà Đ và ông V đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Đ là có cơ sở, phù hợp với căn cứ cho ly hôn tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà Đ xác nhận trong thời gian chung sống, ông bà có hai con chung là cháu Lê Phú Q (N), sinh ngày 12/12/2016 và cháu Lê Thị N (Nữ), sinh ngày 24/4/2020. Bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con chung của bà Đ, nhận thấy, cháu Lê Phú Q (N), sinh ngày 12/12/2016 và cháu Lê Thị N (Nữ), sinh ngày 24/4/2020 do bà N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay. Hai cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Do vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo điều kiện phát triển cho hai cháu nên cần tiếp tục giao cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ông V được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở ông V thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Đ không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các mối quan hệ này thì các đương sự được khởi kiện thành vụ án khác theo quy định.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Lê Trường V.

- Về con chung: Giao cháu Lê Phú Q (N), sinh ngày 12/12/2016 và cháu Lê Thị N (Nữ), sinh ngày 24/4/2020 cho bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu ông Lê Trường V cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho ông Lê Trường V, không ai được quyền cản trở ông V thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Đ đã nộp theo biên lai thu số 0006816 ngày 13/04/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Cần Thơ sang thành án phí phải nộp.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
-TAND TP.CT;
-VKSNDKV1-Cần Thơ;
- Phòng THADSKV1-Cần Thơ;
- UBND P. An Bình, Tp.Cần Thơ (Số 53 ngày 20/5/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văng Thị Ngọc Yến